

# HỆ THỐNG RUỘNG BẠC THANG TRONG MÔI TRƯỜNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

LÊ SĨ GIÁO

**M**iền núi phía Bắc Việt Nam bao gồm các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình. Cư dân sinh sống lâu đời ở đây chủ yếu là các tộc người thiểu số thuộc các ngôn ngữ Thái, Hmông- Dao, Môn- Khơ-me, Tạng- Miến. Khu vực này có hệ thống ruộng bậc thang điển hình nhất ở Việt Nam. Các tỉnh có nhiều ruộng bậc thang là Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Sơn La. Chủ nhân của các thửa ruộng bậc thang là các tộc người Hà Nhì, La Chí, Hmông, Dao... Ruộng bậc thang có mặt ở vùng này đã hàng trăm năm và canh tác ruộng bậc thang đã trở thành loại hình canh tác độc đáo không chỉ có ở miền Bắc Việt Nam mà cả ở Lào, Thái Lan, Indônêxia, Philippin. Đây là loại hình canh tác mang đặc trưng riêng của khu vực Đông Nam Á và điều lý thú là nó tồn tại gắn liền với một số tộc người thiểu số của các quốc gia này. Hệ thống ruộng bậc thang mà chúng tôi nói đến trong bài viết này chủ yếu là hệ thống ruộng của người Hmông ở tỉnh Lào Cai.

## I. VỀ SỰ PHÂN LOẠI

Trong hệ thống phân loại ruộng cổ truyền của các cư dân ở các vùng thung lũng miền núi phía Bắc Việt Nam như người Tày, Người thái, người Mường thì sự phân biệt chủ yếu là căn cứ vào chế độ phủ nước chứ không phải chủ yếu là theo mặt bằng. Ví như ở người Thái ruộng được phân thành "na nặm phôn" (ruộng chờ mưa) và "na nặm che" (ruộng ngâm nước). "Na nặm phôn" là loại ruộng mà nguồn nước dựa vào nước mưa nên chỉ cấy được một vụ, còn "na nặm che" có nước ngâm quanh năm, chủ động được hệ thống tưới tiêu nên một năm cấy được hai vụ. Trong phương thức canh tác ruộng nước các cư dân vùng thung lũng luôn luôn có ý thức và tìm mọi cách biến mảnh đất khai phá được thành ruộng ngâm nước. Vì vậy mà đại bộ phận ruộng của họ là loại ruộng này ("na nặm che"). Khái niệm "ruộng bậc thang" trên thực tế không thông dụng trong nhiều ngôn ngữ, chẳng hạn như trong tiếng Thái, có lẽ là vì các cánh đồng ở đây bản thân nó đã mang đặc điểm "bậc thang". Đó đó khái niệm "ruộng bậc thang" có thể là khái niệm có sau trong sự so sánh, đối chiếu với loại hình đồng ruộng của vùng châu thổ vốn rộng lớn, bằng phẳng. Tuy nhiên, sự xuất hiện hệ thống ruộng bậc thang lại có mối liên hệ với hàng loạt vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa của các cư dân này.

## II. QUÁ TRÌNH KHAI KHẮN VÀ CANH TÁC

Quan sát quá trình khai khẩn ruộng bậc thang chúng ta có thể hiểu được phần nào hình bóng của những mảnh ruộng đầu tiên khi con người bắt đầu biết khai khẩn các vùng đất hoang hoá thành các cánh đồng lúa.

### 1. Chọn đất và xác lập quyền khai khẩn

Những mảnh đất được lựa chọn để khai khẩn thành ruộng bậc thang trước hết là những mảnh đất nằm dưới chân đồi, giữa hai sườn đồi hoặc là trên sườn núi đất. Độ dốc của mảnh đất được khai phá phải không quá lớn (tối đa là  $50^\circ$ ..). Các vùng đất này phải có các nguồn nước tự nhiên là các con suối hay mạch nước đùn lên. Những mảnh đất được chọn khai phá phải có khả năng tạo được mặt bằng (dù hẹp), ít sỏi đá, ít cây to, cỏ cây mọc dây và tươi tốt.

Khi chọn được những mảnh đất ưng ý người ta thường làm các dấu hiệu mang tính thông tin để xác lập quyền khai phá. Hình thức này được thể hiện ở các tộc người theo những quy ước khác nhau. Người Dao xác lập quyền khai khẩn bằng cách phát sạch cỏ cây thành một đường ở chân dốc hoặc là cắm một thân cọc rồi buộc một cành tre vào (tiếng Dao gọi là "bún dáy"). Người Thái đánh dấu quyền sở hữu bằng cây "ta leo" (cây mắt cáo). Cây "ta leo" gồm hai bộ phận: phần thân là một đoạn gỗ hay tre có chiều cao từ 1,5m đến 2m. Phần "ta leo" là tám phen đan thưa cài trên đầu của phần thân. Ở chân cây "ta leo" người ta phát quang cỏ cây với diện tích chừng 2-3m<sup>2</sup>. Người Hmông xác lập quyền sở hữu bằng cách chôn các hòn đá (tu li) thành cột cao chừng 1m. Các cột đá này có đường kính khoảng 40cm, càng lên cao càng thu nhỏ theo dạng hình nón. Khi mảnh đất đã có các dấu hiệu xác lập quyền khai khẩn thì luật tục không cho phép người khác được tranh giành.

## 2. Công việc khai khẩn

Công việc khai khẩn thường được tiến hành vào mùa xuân, khoảng giữa tháng hai, vào lúc trời nắng ráo đối với các vùng đất xốp, mềm (Lào Cai) vào các tháng mưa (từ tháng 4 đến tháng 8) đối với các vùng đất rắn (Hà Giang).

Đầu tiên người ta phát cỏ và các loại cây nhỏ rồi dọn sạch mặt đất, sau đó dùng cuốc đánh các gốc cây to, tiếp theo là việc đào và san ruộng. Việc đào ruộng có thể được tiến hành từ trên xuống hoặc từ dưới lên. Ở các sườn đồi có độ dốc trên  $30^\circ$  thì người ta thường đào từ trên xuống. Ưu điểm của cách làm này là tiến độ khai ruộng nhanh, nhưng hạn chế của nó là độ màu giữ lại trên mặt ruộng lại ít. Đối với các mảnh đất có độ dốc dưới  $30^\circ$  công việc đào ruộng lại được tiến hành từ dưới lên. Ưu điểm của cách làm này là giữ được tối đa độ màu trên bề mặt ruộng nhưng tiến độ lại chậm hơn. Việc tạo mặt bằng cho các thửa ruộng là việc làm khó khăn nhất. Mặt bằng ruộng có liên quan đến việc giữ nước và chia đều nước cho toàn bộ ruộng lúa, vì vậy trong điều kiện độ dốc của mảnh đất cao người nông dân không thể tạo ra các mặt bằng lớn nên các thửa ruộng bậc thang thường có bề ngang hẹp, độ chênh giữa thửa trên với thửa dưới thường ở mức từ 1m đến 1,5m.

Trong canh tác ruộng nước bờ ruộng đóng vai trò là những "bức tường" giữ nước, điều hoà mực nước cho ruộng lúa. Với hệ thống ruộng bậc thang các bờ ruộng thường được làm bé hơn so với các bờ ruộng ở đồng bằng. Nguồn đất để đắp bờ là nguồn đất tại chỗ được lấy trong quá trình san gạt, điều chỉnh mặt bằng của ruộng. Bờ ruộng được lèn chặt để chống vỡ. Các bờ ruộng này có độ cao từ 15-20cm và bề rộng từ 20-25cm.

Công việc khai khẩn được tiếp nối từ năm này sang năm khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác tạo nên các triền ruộng đẹp như những bức tranh nghệ thuật hoành tráng treo trên các sườn đồi, sườn núi vùng cao, tạo nên nét độc đáo của một loại hình canh tác mang đậm sắc thái Đông Nam Á.

Nếu lấy huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai làm điển hình chúng ta sẽ thấy diện tích ruộng bậc thang của các xã của huyện này là như sau:

TT	Tên xã	Dân số	Diện tích ruộng năm 1993 (Ha)	Ghi chú
1	Lao Chải	1.972	90,2	
2	Tả Van	2.050	112,9	
3	Hầu Thào	1.601	49,5	
4	Sử Pán	1.422	79,7	
5	Trung Chải	1.994	82,3	
6	Bản Khoang	1.541	72,7	
7	Tả Giang Phình	1.713	98,0	
8	Thanh Kim	1.195	77,4	
9	Bản Phùng	1.223	35,8	
10	Bản Hồ	1.426	74,6	
11	Thanh Phú	1.514	77,5	
12	Nậm Sài	1.230	77,5	
13	Nậm Cán	978	93,0	
14	Sa Pả	2.900	125,0	
15	Tả Phìn	1.695	73,7	
16	San Sả Hồ	1.025	76,3	
17	Suối Thầu	1.202	57,2	
18	Thị trấn Sa Pa	4.373	-	
		32.054	1.453,3	

(Theo số liệu phòng thống kê huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai năm 1994).

### 3. Quá trình canh tác

#### a. Hệ thống dòng chảy

Hệ thống dòng chảy ( hệ thống thủy lợi) là sự kết hợp của hệ thống tự nhiên và hệ thống nhân tạo để điều hoà nguồn nước tưới và tiêu cho các triển ruộng. Nguồn nước thường được dẫn từ các con suối chảy từ trên cao xuống, từ các khe nước hoặc các mạch nước ngầm đùn lên từ các hốc đá. Theo độ nghiêng của địa hình, người ta đào đắp các con nương theo các sườn đồi sườn núi để có thể đưa nước đến cho tất cả các thửa ruộng. Các con nương được đào rất công phu và với một trình độ kỹ thuật cao. Nguyễn Văn Huy cho biết: Gần 100 năm trước, với công cụ thô sơ, người Hà Nhì ( Bát Xát, Lào Cai) đã từng đào một con nương dài tám chín km chạy men qua nhiều sườn núi, khe đá. Nương rộng trung bình 1m, có đoạn sâu tới 2-3m tưới cho một diện tích tương đương với số thóc giống để gieo mạ là 1000 kg của 3 làng Phù Lá Chải, Pặc Tà và Phiêng Láo (xã A Mù Sung). Con nương đào xong chủ nương thả một cái mẹt tròn đan

bằng nửa, đường kính gần 1 mét, cho trôi từ đầu nương đến cuối nương. Nếu chiếc mẹt không bị kẹt lại ở một chỗ nào đó chủ nương mới được nhận tiền công (1).

Nếu các con nương phải vượt qua khe sâu, qua các chướng ngại vật thì ở vùng của người Hmông người ta thường dùng một thân cây to có đường kính đến 40 cm, bỏ đôi, róc ruột bắc thành máng cho nước chảy qua. Tuỳ địa hình cụ thể và lượng nước phải dẫn mà người ta bắc một, hai máng hay là cả một hệ thống máng.

Nước được đưa vào thửa ruộng cao nhất, từ đây nước chảy xuống các thửa ruộng dưới qua hệ thống các rãnh bờ xẻ. Các rãnh xẻ thường có kích thước 20 x 20 cm và không bố trí thẳng hàng. Nếu rãnh xẻ của thửa ruộng thứ nhất ở đầu bờ này thì rãnh xẻ của thửa thứ hai sẽ ở đầu bờ kia và rãnh xẻ của thửa thứ ba là ở giữa. Việc bố trí các rãnh như vậy hạn chế tối đa việc tạo ra dòng chảy mạnh, chống vỡ bờ.

### b. Công việc làm đất

Đây là khâu quan trọng nhất của quá trình canh tác, có liên quan đến sự phát triển và năng suất của cây trồng sau này.

*Hệ thống công cụ được sử dụng trong canh tác* có cày, bừa, cuốc.

*Chiếc cày.* Trong các tộc người làm nương thâm canh và ruộng bậc thang thì kỹ thuật cày ở đất dốc nổi tiếng là kỹ thuật của người Hmông. Điều đặc biệt ở chiếc cày Hmông là lưỡi cày vừa cứng, vừa dẻo, đảm bảo lật đất tốt, xắn đứt hết rễ cây, gốc cỏ mà lưỡi cày không bị gãy. Lưỡi cày do người Hmông tự đúc bằng kỹ thuật thủ công. Thực tế cho thấy tầng đất mặt của ruộng bậc thang mới được khai phá vẫn còn nhiều sỏi đá, những gốc cây sót, mặt ruộng mấp mô thì chỉ có những lưỡi cày do người Hmông tự sản xuất và kỹ thuật cày của họ mới khắc phục được những khó khăn này.

*Chiếc bừa.* Chiếc bừa thường được cấu tạo 8 răng. Răng bừa được làm từ một loại gỗ rừng (gỗ dẻ) vừa cứng lại vừa dẻo. Bừa có bề rộng khoảng 1 mét, cao khoảng 80 cm. Các bộ phận của chiếc bừa hoàn toàn bằng tre, gỗ nên chiếc bừa rất nhẹ, dễ mang vác, dễ di chuyển trong điều kiện địa hình dốc của các vùng miền núi. Đối với các tộc người ở miền Bắc Việt Nam, không kể người Kinh hay các tộc thiểu số cũng đều chỉ sử dụng một trâu hay một bò làm sức kéo trong công việc làm đất. Hiện tượng cày, kéo bò đôi chỉ thấy ở các tỉnh đồng bằng phía Nam. Rất có thể thói quen này là do ảnh hưởng của tập quán canh tác của người Khơ-me, người Chăm.

*Chiếc cuốc.* Đây là công cụ không thể thiếu để khai ruộng. Trong các gia đình của người Hmông số cuốc thường tương ứng với số lao động của gia đình. Khi đi khai ruộng mỗi người tự đem theo chiếc cuốc của mình. Lưỡi cuốc cũng do người Hmông tự rèn, thường có bề mặt rộng 20 cm, bề cao trên 10 cm. Độ dài, ngắn của cán cuốc là tuỳ thuộc vào lứa tuổi. Cán cuốc dùng cho trẻ em mới tập việc ngắn hơn, chỉ 60 - 70 cm, dùng cho người lớn, những người thạo việc thường là trên 1 mét. Trong việc rèn đúc các công cụ bằng sắt người Hmông nổi tiếng là những người thợ tài giỏi. Công cụ của họ được nhiều tộc người láng giềng sử dụng và thừa nhận về mặt chất lượng. Nghề rèn đúc của người Hmông vẫn còn chứa đựng nhiều điều bí ẩn.

### *Kỹ thuật làm đất.*

Ruộng thường được cày khô rồi phơi cho đất nở mới tháo nước vào để tạo cho đất thành một thứ bùn nhão. Việc cày ruộng về mặt khoa học là nhằm vào các mục đích: làm cho đất thông thoáng, diệt sâu bọ, côn trùng, xé các gốc rễ, gốc cỏ, vùi phân bón, tăng độ tơi xốp cho đất. Ruộng được cày đi cày lại nhiều lần, (tối đa là 4 lần : lần một - chú i ; lần hai - chú ao ; lần ba - chú pe ; lần bốn - chú plau (tiếng Hmông).

Sau khi ruộng được cày từ 4 - 5 ngày thì có thể tiến hành công việc bừa đất. Bừa để làm vỡ đất, làm nhuyễn đất, để cho cỏ rác thối ra, để cho mặt ruộng bằng phẳng hơn. Các thửa ruộng bậc thang thường được bừa kỹ, có thể từ 8 đến 10 lần. Những ngày có mưa và gió to người ta không đi bừa vì gió to, mưa lớn sẽ dồn chất mùn về một phía, hoặc là chất mùn sẽ chảy từ ruộng trên xuống ruộng dưới khiến cho sau khi cấy lúa sẽ không tốt đều.

### C. Gieo mạ và cấy

Gieo mạ và cấy là hai công việc có liên quan mật thiết trong canh tác ruộng nước. Nếu gieo cấy kịp thời vụ trên các mảnh đất được cày bừa kỹ thì cây trồng sẽ cho năng suất cao.

Ở Lào Cai thường thì một gia đình người Hmông có 10 nhân khẩu mỗi vụ gieo trung bình 15 kg thóc giống. Mạ thường được gieo vào tháng tư, khi trời đã ấm lên để sau đó cấy xong trong tháng năm. Người Hmông thường dựa vào chu trình ra hoa và kết quả của những cây đào để tiến hành công việc gieo mạ. Khi hoa đào rụng sắp hết, những quả đào non mới hình thành là lúc có thể gieo mạ được. Ruộng để gieo mạ là loại ruộng chuyên, năm này qua năm khác người ta chỉ gieo mạ ở những chân ruộng này. Ở Hà Giang, theo kinh nghiệm dân gian của người La Chí, những thửa ruộng tốt thường cấy loại mạ gieo ở ruộng, còn những chân ruộng xấu thì lại dùng mạ gieo trên nương, bởi vì những cây lúa mọc trên cạn khi nhỏ cấy xuống các chân ruộng nước bao giờ cũng mọc khoẻ hơn<sup>(2)</sup>. Đó là kinh nghiệm quý mà những người nông dân đúc kết qua sự thể nghiệm của chính bản thân họ.

Khi cây mạ mọc được 4 - 5 lá là lúc người ta có thể nhổ để cấy. Ở đại bộ phận các tộc người miền Bắc công việc cấy lúa là do phụ nữ đảm nhiệm nhưng ở các vùng canh tác ruộng bậc thang của người Hmông thì đàn ông lại có thể đi cấy và đàn ông cấy lúa là chính. Giải thích hiện tượng này như thế nào? Có thể là, khi định cư ở các vùng miền núi phía Bắc Việt Nam, do điều kiện địa hình đồi núi, do công việc lao động nặng nhọc trong khai phá ruộng bậc thang mà phần lớn công việc làm ruộng là nằm trong tay người đàn ông. Đây là loại hình canh tác khá mới mẻ đối với người Hmông và được coi là loại hình du nhập của các tộc người khác. Xét dưới góc độ xã hội học người đàn ông thường thể hiện đặc tính hướng ngoại rõ hơn rất nhiều so với người phụ nữ; do vậy việc đàn ông Hmông đi cấy là phản ánh đặc tính hướng ngoại đó. Loại hình canh tác ruộng nước mà người Hmông, người Dao tiếp thu là loại hình canh tác ruộng nước của các cư dân vùng thung lũng, chủ yếu là của người Thái, người Tày. Đối với các cư dân này, trong sự phân công lao động theo giới trước đây công việc cấy lúa hoàn toàn do người phụ nữ đảm nhiệm, đàn ông hoàn toàn không làm công việc đó.

Khi cây lúa được cấy xuống ruộng thì quá trình khai khẩn ruộng bậc thang đã thành công và từ đây những người nông dân lo chăm bón, bảo vệ để chờ mùa thu hoạch.

### III. NHỮNG ĐIỀU RÚT RA TỪ LOẠI HÌNH CANH TÁC RUỘNG BẬC THANG TRONG ĐIỀU KIỆN CỦA VÙNG CAO MIỀN BẮC VIỆT NAM

Trong lịch sử cũng như hiện tại các tộc người ở Việt Nam nói chung đều là những tộc người làm nông nghiệp với hai loại hình canh tác cơ bản: Canh tác ruộng nước và canh tác nương rẫy. Loại hình ruộng bậc thang được coi là loại hình trung gian, kết hợp hài hoà giữa hai phương thức trên.

1. Trong sự kết hợp này việc tìm chọn các mảnh đất để khai phá thành ruộng cũng phải hội đủ các yếu tố như việc tìm các mảnh đất để làm nương. Điều khác biệt chính là việc tạo mặt bằng và đắp bờ giữ nước. Giai đoạn đầu của công việc khai khẩn là làm sạch mặt đất thì áp dụng kiểu phát-đốt của phương thức canh tác nương rẫy; giai đoạn sau, làm đất và gieo trồng lại áp dụng các kỹ thuật của canh tác ruộng nước. Sự lựa chọn phương thức canh tác ruộng bậc thang là phù hợp với điều kiện tự nhiên của hệ sinh thái rừng nhiệt đới mưa (rain tropical forest ecosystem) và nó đảm bảo nguồn lương thực chắc chắn nhất cho những người dân ở vùng cao. Phương thức canh tác này là sự sáng tạo độc đáo của các tộc người miền núi bằng quá trình lao động lâu dài, gian khổ, "đổ mồ hôi sôi nước mắt" để hoà hợp với tự nhiên, góp phần tạo nên môi trường địa - văn hoá mang đặc tính vùng rất rõ nét.

2. Ruộng bậc thang cho năng suất cao và ổn định góp phần cải thiện đời sống của những người nông dân vùng cao. Những người dân này đã bao đời canh tác nương rẫy và tự họ đã thấm thía sự bất ổn định của năng suất cây trồng trên nương rẫy do phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên. Người Thái có câu tục ngữ nói về tính bấp bênh của canh tác nương rẫy : Làm rẫy, "năm tậu được trâu, năm phải bán con" (ét hày, pi đay quai, pi khải lúc). Các tài liệu khoa học cũng chỉ ra rằng, trong chu kỳ 10 năm canh tác nương rẫy của các cư dân vùng Tây Bắc thì chỉ có 3 năm đủ ăn còn 7 năm thiếu ăn. Trong 7 năm thiếu có 3 năm thiếu từ 1 đến 3 tháng, 3 năm thiếu từ 3 tháng trở lên, 1 năm thiếu trầm trọng<sup>(3)</sup>. Vì vậy, những mảnh ruộng bậc thang đã được người Hmông coi là một thứ tài sản đặc biệt. Các gia đình có nhiều ruộng thường cũng là các gia đình có cuộc sống vật chất khá hơn : Người già được chăm sóc chu đáo, trẻ em đủ ăn, đủ mặc và được đến trường; các thành viên trong gia đình có điều kiện tham gia vào các hoạt động xã hội, các hoạt động văn hoá của cộng đồng. Trong trường hợp này ruộng bậc thang trở thành một tiêu chí phân định mức độ giàu, nghèo giữa các hộ nông dân.

3. Với những ưu điểm của loại hình ruộng nước, hệ thống ruộng bậc thang góp phần tạo nên cuộc sống định cư lâu bền. Hiện nay ở Việt Nam còn khoảng 2 triệu người ở các vùng miền núi chủ yếu là các cư dân chuyên sống bằng canh tác nương rẫy chưa định canh định cư vững chắc. Như chúng ta đã biết, định canh định cư là một tiêu chuẩn để đánh giá sự tiến bộ xã hội của các cộng đồng cư dân và con người biết đến cuộc sống định cư làng mạc hàng mấy nghìn năm trước đây. Nhưng để có thể định canh, định cư được cần phải coi các điều kiện thuận tiện về nơi ăn, chốn ở, về một nền sản xuất ổn định. Những yêu cầu như vậy phương thức canh tác ruộng bậc thang tỏ ra có ưu thế. Cũng chính nhờ có ruộng bậc thang mà các làng bản của những người Hmông, Dao, Hà Nhì, La Chí ở Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang đã định cư hàng trăm năm nay. Chỉ có định cư thì Nhà nước có thể đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi cho cộng đồng, góp phần nâng cao dân trí và nâng cao đời sống mọi mặt cho những người nông dân.

4. Hệ thống ruộng bậc thang hình thành, được đưa vào canh tác lâu dài và ổn định đã góp phần hạn chế việc chặt phát rừng làm nương ở vùng cao. Rừng là lá phổi của nhân loại, rừng có vai trò điều tiết nguồn nước không chỉ ở tầm vi mô mà cả trên tầm vĩ mô. Những người dân miền núi không chỉ coi rừng là nguồn lợi tự nhiên lớn mà rừng còn là không gian văn hoá, không gian tộc người của họ. Người Dao khẳng định : "phi sơn bất thanh Dao" (Không có rừng không thành người Dao). Như vậy là từ trong

( xem tiếp trang 42)